

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Cao B - sinh năm: 1976

Địa chỉ: Khu 8, xã T, Thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M - sinh năm: 1979

Địa chỉ: Khu 8, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở: Tổ 14A, phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cao Chí T - sinh năm: 1931

Địa chỉ: Khu 8, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

2. Anh Cao Chí T1 - sinh năm: 1957

Địa chỉ: Khu 8, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

3. Anh Cao Chí G - sinh năm: 1961

Địa chỉ: Khu 8, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

4. Chị Cao Thị H - sinh năm: 1964

Địa chỉ: Khu 8, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

5. Anh Cao Bằng G1 - sinh năm: 1967

Địa chỉ: Ấp Ông Tô, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

6. Chị Cao Thị Thuý N - sinh năm: 1970

Địa chỉ: Khu 12, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

7. Chị Cao Thị Thu H1 - sinh năm: 1973

Địa chỉ: Tổ 38, khu T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

(Anh G, chị H, anh G1, chị N và chị H1 uỷ quyền cho anh T1)

8. Anh Nguyễn Văn S - sinh năm: 1976, chị Trần Thị N - sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ 14A, phố A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Cao B và chị Nguyễn Thị Thanh M.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh B và chị M xác định vợ chồng có 02 con chung là Cao Thị Thanh T - sinh ngày: 09/8/1999 và Cao Thanh T - sinh ngày: 10/02/2011. Hiện nay cháu Cao Thị Thanh T đã trưởng thành nên hai bên không đề nghị Toà án giải quyết. Anh B và chị M thoả thuận là chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Cao Thanh T kể từ tháng 10/2020 đến khi thành niên. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T một lần là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), thời hạn anh B thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi cháu T cho chị M là ngày 31/10/2020.

Sau khi ly hôn, anh Cao B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đến thời hạn cấp dưỡng nuôi con, anh B không cấp dưỡng mà chị M có đơn đề nghị thi hành án thì anh B phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh B và chị M xác định có tài sản chung là 01 điều hoà nhãn hiệu Sharp loại 9000BTU trị giá 6.000.000đ và 01 tủ lạnh nhãn hiệu Samsung loại 300 lít trị giá 6.000.000đ, tổng số tiền trị giá tài sản là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Ngoài tài sản này, không có tài sản gì khác. Anh B và chị M thoả thuận là giao cho anh B sở hữu điều hoà và tủ lạnh hiện đang để ở nhà ông Cao Chí T ở khu 8, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, anh B không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị M vì chị M không yêu cầu.

- Về nợ chung: Anh B và chị M xác định không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp gia đình: Anh B và chị M xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Cao B chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn, 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000977 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì. Anh Cao B còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Việt Trì;
- Chi cục THADS thành phố Việt Trì;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên